

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1000* /CTBDU-TTHT  
V/v các báo cáo thuế  
cần lưu ý năm 2024

Bình Dương, ngày *12* tháng *01* năm 2024

Kính gửi: Các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động SXKD  
trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Để đảm bảo kịp thời hướng dẫn cho các tổ chức thực hiện các báo cáo thuế  
kịp thời, thống nhất, đúng quy định pháp luật về quản lý thể hiện hành, Cục Thuế  
lưu ý một số các công việc về thuế cần thực hiện trong năm 2024 như sau:

**1. Môn bài**

**a. Mức thu lệ phí môn bài năm 2024**

- Mức lệ phí môn bài đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng  
hóa, dịch vụ phải nộp thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị định số  
139/2016/NĐ-CP ngày 4/10/2016 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định  
22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020, cụ thể:

+ Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng: 3.000.000  
đồng/năm;

+ Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000  
đồng/năm;

+ Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ  
chức kinh tế khác: 1.000.000 đồng/năm.

- Mức thu lệ phí môn bài đối với tổ chức quy định nêu trên căn cứ vào vốn  
điều lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp không có vốn  
điều lệ thì căn cứ vào vốn đầu tư ghi trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Tổ chức quy định tại các điểm nêu trên có thay đổi vốn điều lệ hoặc vốn  
đầu tư thì căn cứ để xác định mức thu lệ phí môn bài là vốn điều lệ hoặc vốn đầu  
tư của năm trước liền kề năm tính lệ phí môn bài.

**b. Kê khai nộp thuế môn bài**

- Tổ chức mới thành lập (bao gồm cả doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển từ hộ  
kinh doanh) hoặc có thành lập thêm đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc  
bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ khai lệ phí môn bài  
chậm nhất là ngày 30 tháng 01 năm sau năm thành lập hoặc bắt đầu hoạt động sản  
xuất, kinh doanh.

- Trường hợp trong năm có thay đổi về vốn thì người nộp lệ phí môn bài nộp  
hồ sơ khai lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 01 năm sau năm phát sinh  
thông tin thay đổi.



- Trường hợp người nộp lệ phí môn bài có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh thì khai lệ phí môn bài tại nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh.

### **c. Thời hạn nộp lệ phí môn bài**

- Thời hạn nộp lệ phí môn bài năm 2024 chậm nhất là ngày 30/01/2024.

- Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp) khi kết thúc thời gian được miễn lệ phí môn bài (năm thứ tư kể từ năm thành lập doanh nghiệp) thì thời hạn nộp lệ phí môn bài như sau:

+ Trường hợp kết thúc thời gian miễn lệ phí môn bài trong thời gian 6 tháng đầu năm thì thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm kết thúc thời gian miễn.

+ Trường hợp kết thúc thời gian miễn lệ phí môn bài trong thời gian 6 tháng cuối năm thì thời hạn nộp lệ phí môn bài chậm nhất là ngày 30 tháng 01 năm liền kề năm kết thúc thời gian miễn.

## **2. Khai thuế GTGT**

Khai thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý:

- Người nộp thuế thực hiện tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, phương pháp trực tiếp trên GTGT, phương pháp trực tiếp trên doanh thu theo quy định tại Luật thuế GTGT thì khai thuế GTGT theo tháng. Trường hợp người nộp thuế đáp ứng điều kiện khai thuế theo quý sau đây thì mới được khai thuế theo quý, cụ thể:

+ Người nộp thuế thuộc diện khai thuế giá trị gia tăng theo tháng nếu có tổng doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống thì được khai thuế giá trị gia tăng theo quý. Doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ được xác định là tổng doanh thu trên các tờ khai thuế giá trị gia tăng của các kỳ tính thuế trong năm dương lịch.

Trường hợp người nộp thuế thực hiện khai thuế tập trung tại trụ sở chính cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh thì doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm cả doanh thu của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh.

+ Trường hợp người nộp thuế mới bắt đầu hoạt động, kinh doanh thì được lựa chọn khai thuế giá trị gia tăng theo quý. Sau khi sản xuất kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch liền kề tiếp theo năm đã đủ 12 tháng sẽ căn cứ theo mức doanh thu của năm dương lịch trước liền kề (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo kỳ tính thuế tháng hoặc quý.

- Người nộp thuế có trách nhiệm tự xác định thuộc đối tượng khai thuế theo quý để thực hiện khai thuế theo quy định như sau:

+ Người nộp thuế đáp ứng tiêu chí khai thuế theo quý được lựa chọn khai thuế theo tháng hoặc quý ổn định trọn năm dương lịch.

+ Trường hợp người nộp thuế đang thực hiện khai thuế theo tháng nếu đủ điều kiện khai thuế theo quý và lựa chọn chuyển sang khai thuế theo quý thì gửi

Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý theo mẫu số 01/ĐK-TĐKTT ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 31 tháng 01 của năm bắt đầu khai thuế theo quý. Nếu sau thời hạn này người nộp thuế không gửi văn bản đến cơ quan thuế thì người nộp thuế tiếp tục thực hiện khai thuế theo tháng ổn định trọn năm dương lịch.

+ Trường hợp người nộp thuế tự phát hiện không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo. Người nộp thuế không phải nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó nhưng phải nộp Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý theo mẫu số 02/XD-PNTT ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC và phải tính tiền chậm nộp theo quy định.

+ Trường hợp cơ quan thuế phát hiện người nộp thuế không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì cơ quan thuế phải xác định lại số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số người nộp thuế đã kê khai và phải tính tiền chậm nộp theo quy định. Người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ thời điểm nhận được văn bản của cơ quan thuế.

### **3. Khai thuế TNCN tiền lương, tiền công**

Người nộp thuế khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng nếu đủ điều kiện khai thuế giá trị gia tăng theo quý thì được lựa chọn khai thuế thu nhập cá nhân theo quý.

Người nộp thuế chi trả tiền lương, tiền công cho người lao động làm việc tại đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh tại tỉnh khác với nơi có trụ sở chính, thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo quy định và nộp hồ sơ khai thuế theo mẫu số 05/KK-TNCN, phụ lục bảng xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp cho các địa phương được hưởng nguồn thu theo mẫu số 05-1/PBT-KK-TNCN ban hành kèm theo phụ lục II Thông tư số 80/2021/TT-BTC cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp; nộp số thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công vào ngân sách nhà nước cho từng tỉnh nơi người lao động làm việc theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 80/2021/TT-BTC. Số thuế thu nhập cá nhân xác định cho từng tỉnh theo tháng hoặc quý tương ứng với kỳ khai thuế thu nhập cá nhân và không xác định lại khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công thuộc diện trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế bao gồm: cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được trả từ nước ngoài; cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam nhưng được trả từ nước ngoài; cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam chi trả nhưng chưa khấu trừ thuế; cá nhân nhận cổ phiếu thưởng từ đơn vị chi trả.



**Lưu ý:**

Kể từ ngày 30/10/2022, Nghị định số 91/2022/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành, người khai thuế thu nhập cá nhân là tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc trường hợp khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng, quý mà trong tháng, quý đó không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của đối tượng nhận thu nhập thì người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế TNCN.

**4. Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2024**

- Người nộp thuế kê khai lần đầu: Thời hạn nộp hồ sơ chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Trong chu kỳ ổn định, hàng năm tổ chức không phải kê khai lại thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nếu không có sự thay đổi về người nộp thuế và các yếu tố dẫn đến thay đổi số thuế phải nộp.

- Người nộp thuế kê khai khi có phát sinh thay đổi các yếu tố làm thay đổi căn cứ tính thuế dẫn đến tăng, giảm số thuế phải nộp và khai bổ sung khi phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót ảnh hưởng đến số thuế phải nộp: Thời hạn nộp hồ sơ chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.

- Hồ sơ khai thuế SDDPNN mẫu số 02/TK-SDDPNN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

- Thời hạn nộp thuế:

+ Thời hạn nộp thuế lần đầu: Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của cơ quan thuế.

Từ năm thứ hai trở đi, người nộp thuế nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp một lần trong năm chậm nhất là ngày 31 tháng 10.

+ Thời hạn nộp tiền thuế chênh lệch theo xác định của người nộp thuế tại Tờ khai tổng hợp chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế.

+ Thời hạn nộp thuế đối với hồ sơ khai điều chỉnh chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

**5. Khai quyết toán thuế tài nguyên**

- Doanh nghiệp lập và gửi hồ sơ khai quyết toán thuế tài nguyên năm 2023 chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

- Tờ khai quyết toán thuế Tài nguyên theo mẫu số 02/TAIN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

**6. Đăng ký phương pháp trích khấu hao TSCĐ**

Khi doanh nghiệp mới thành lập hoặc bắt đầu đưa tài sản cố định vào hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải thông báo phương pháp trích khấu hao, thời gian trích khấu hao TSCĐ mà doanh nghiệp lựa chọn áp dụng với cơ

quan thuế trực tiếp quản lý theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Doanh nghiệp chỉ được thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ một lần đối với một tài sản. Phương pháp trích khấu hao áp dụng cho từng TSCĐ mà doanh nghiệp đã lựa chọn và thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý phải được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ. Trường hợp đặc biệt cần thay đổi phương pháp trích khấu hao, doanh nghiệp phải giải trình rõ sự thay đổi về cách thức sử dụng TSCĐ để đem lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp. Mỗi tài sản cố định chỉ được phép thay đổi một lần phương pháp trích khấu hao trong quá trình sử dụng và phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

### 7. Đại lý thuế

Cập nhật kiến thức cho nhân viên đại lý thuế quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21 Thông tư số 10/2021/TT-BTC.

Chậm nhất ngày 15/01 hàng năm đại lý thuế gửi báo cáo tình hình hoạt động của đại lý thuế theo mẫu 2.9 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTC.

### 8. Sử dụng hóa đơn, chứng từ

Về việc sử dụng hóa đơn, chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử:

- Theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì tổ chức khấu trừ khi sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử không bắt buộc phải đăng ký, thông báo phát hành, chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế, tổ chức khấu trừ tự xây dựng hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP hoặc liên hệ với nhà cung cấp hóa đơn điện tử để có giải pháp thực hiện; đối với trường hợp đang còn tồn chứng từ mua của cơ quan thuế (chưa thông báo hủy gửi cơ quan thuế) thì tiếp tục sử dụng.

- Tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 quy định về ký hiệu hóa đơn điện tử:

*“b. Ký hiệu hóa đơn điện tử là nhóm 6 ký tự gồm cả chữ viết và chữ số thể hiện ký hiệu hóa đơn điện tử để phản ánh các thông tin về loại hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không mã, năm lập hóa đơn, loại hóa đơn điện tử được sử dụng. Sáu (06) ký tự này được quy định như sau:*

*...- Hai ký tự tiếp theo là hai (02) chữ số Ả-rập thể hiện năm lập hóa đơn điện tử được xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương lịch. Ví dụ: Năm lập hóa đơn điện tử là năm 2022 thì thể hiện là số 22; năm lập hóa đơn điện tử là năm 2023 thì thể hiện là số 23;...”*

- Tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về số hóa đơn:

*“a. Số hóa đơn là số thứ tự được thể hiện trên hóa đơn khi người bán lập hóa đơn. Số hóa đơn được ghi bằng chữ số Ả-rập có tối đa 8 chữ số, bắt đầu từ số 1 vào ngày 01/01 hoặc ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn và kết thúc vào ngày 31/12*

*hàng năm có tối đa đến số 99 999 999. Hóa đơn được lập theo thứ tự liên tục từ số nhỏ đến số lớn trong cùng một ký hiệu hóa đơn và ký hiệu mẫu số hóa đơn....”*

Theo đó, để đảm bảo việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định, các tổ chức, doanh nghiệp, hộ cá nhân kinh doanh đang sử dụng hóa đơn điện tử cần chủ động thay đổi ký tự về năm lập hóa đơn là “24” và số hóa đơn sẽ bắt đầu lại từ số tương ứng với ký hiệu hóa đơn mới kể từ ngày 01/01/2024.

(Ví dụ: năm 2023 ký hiệu mẫu hóa đơn điện tử và ký hiệu hóa đơn điện tử là 1C23TYY thì năm 2024 ký hiệu mẫu hóa đơn và ký hiệu hóa đơn sẽ là 1C24TYY; Số hóa đơn cuối cùng của năm 2023 là 00001234 tương ứng ký hiệu C23TYY thì năm 2024 số hóa đơn sẽ bắt đầu lại từ số 00000001 tương ứng ký hiệu C24TYY).

- Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này, nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà hóa đơn này có sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót.

#### **9. Chính sách thuế hết hiệu lực năm 2024.**

- Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội hướng dẫn giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (có hiệu lực từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023).

- Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuế đất (có hiệu lực từ ngày 14/4/2023 đến hết ngày 31/12/2023).

- Nghị định số 41/2023/NĐ-CP quy định quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước (có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023). Từ ngày 01/01/2024 trở đi, mức thu lệ phí trước bạ tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP; các Nghị quyết hiện hành của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về mức thu lệ phí trước bạ tại địa phương và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

#### **10. Chính sách thuế mới có hiệu lực từ năm 2024.**

- Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế



toàn cầu (hay còn gọi là thuế tối thiểu toàn cầu) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024.

- Nghị quyết 42/2023/UBTVQH15 ngày 18/12/2023 của Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn. Tiếp tục giảm thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu từ ngày 01/01/2024.

- Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội (có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024).

Trên đây là những nội dung lưu ý các công việc về thuế cần thực hiện trong năm 2024, Cục Thuế thông báo đến Quý doanh nghiệp, cá nhân hoạt động SXKD trên địa bàn tỉnh Bình Dương biết và thực hiện. *1/10/24*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- LĐ Cục Thuế (email b/c);
- P.TTKT1...5 (email);
- Các CCT thành phố, khu vực;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT; phòng TTHT (Duy); *1/10/24*

